

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52- NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNTMT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 195/TTr-STNMT ngày 19 tháng 8 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Các Hội, đoàn thể tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: : VT, TH, NNTNMT<sub>(LTT)</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Trọng Yên**

## **KẾ HOẠCH**

### **Chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2022  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

Thực hiện Quyết định số 417/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 gồm các nội dung sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Thực hiện xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, chia sẻ, kết nối hệ thống dùng chung cơ sở dữ liệu, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khai thác dữ liệu ngành Tài nguyên và Môi trường trên cổng thông tin dữ liệu của tỉnh.

### **2. Yêu cầu**

Sự vào cuộc toàn ngành Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, nâng cao nhận thức, vai trò trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện đúng tiến độ các nhiệm vụ, lĩnh vực của ngành.

Nghiên cứu, áp dụng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật bắt kịp thay đổi nhanh chóng của công nghệ, bảo đảm phát triển, vận hành Chính phủ điện tử ngành, đáp ứng yêu cầu tiến trình chuyển đổi số.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Đến năm 2030, ngành Tài nguyên và Môi trường (TNMT) tỉnh Đắk Nông quản lý, điều hành cơ bản hoàn toàn trên phương thức, quy trình, mô hình của công nghệ số và kết quả phân tích, xử lý dữ liệu số, áp dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao. Tạo chủ động, hiệu lực, hiệu



quả trong: quản lý, xây dựng khai thác cơ sở dữ liệu đất đai, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường; bảo tồn, phát triển đa dạng sinh học; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025**

a) Phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- Nghiên cứu, áp dụng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật bắt kịp thay đổi nhanh chóng của công nghệ, bảo đảm phát triển, vận hành Chính phủ điện tử ngành, đáp ứng yêu cầu tiến trình chuyển đổi số.

- 100% văn bản đi, đến được cập nhật, xử lý trên môi trường mạng (trừ văn bản mật); 100% ý kiến chỉ đạo được theo dõi và xử lý trên môi trường mạng; 100% đơn thư và khiếu nại đủ điều kiện xử lý, giải quyết được cập nhật trong Hệ thống quản lý công tác tiếp dân và xử lý đơn khiếu nại, kiến nghị, phản ánh; 100% lịch họp được đăng ký và phát hành giấy mời qua mạng.

- 100% thủ tục hành chính (TTHC) được triển khai dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ 3, 80% mức độ 4.

- Phần đầu tỷ lệ người dân tham gia đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo DVCTT mức độ 3, 4 đạt 50%.

- 100% báo cáo tổng hợp, báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- 50% cơ sở dữ liệu (CSDL) về ngành TNMT được xây dựng, kết nối, chia sẻ, tích hợp trên dữ liệu đất đai quốc gia, có sự đóng góp của tổ chức, cá nhân, cộng đồng; sẵn sàng kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu mở để thực hiện DVCTT phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- 40% thiết bị trong điều tra, khảo sát, quan trắc, đo đạc thu nhận dữ liệu sử dụng công nghệ số.

- 40% hoạt động thanh tra, kiểm tra của ngành được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% người làm việc trong ngành được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, trong đó, 30% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu.

- Tiếp tục nâng cao Chỉ số về Chính phủ điện tử của ngành TNMT, góp phần nâng cao Chỉ số về Chính phủ điện tử của tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, huấn luyện, phát triển nguồn nhân lực xây dựng cơ sở dữ liệu ngành, nguồn nhân lực quản trị hệ thống an toàn, an ninh thông tin trên môi trường mạng.

- Triển khai tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về vai trò và tầm quan trọng của việc chuyển đổi số, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách về thu nhận, tạo lập, quản lý tài nguyên số về ngành TNMT, cho phát triển kinh tế số.

- Cung cấp và triển khai dịch vụ dữ liệu, thông tin về ngành TNMT cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng cho phát triển kinh tế số, dịch vụ nội dung số.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

Tuyên truyền, truyền thông số nâng cao nhận thức cộng đồng về chuyển đổi số ngành TNMT. Sử dụng phương thức, công nghệ số nâng cao chất lượng dịch vụ, khả năng tương tác, phục vụ minh bạch hóa, đảm bảo trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước làm hài lòng người dân, doanh nghiệp, tạo thói quen sử dụng dịch vụ số, góp phần phát triển xã hội số.

## **2.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030**

a) Phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- Xây dựng, cơ bản hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành TNMT bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho thực hiện dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp, làm nền tảng phát triển Chính phủ số, phát triển kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh.

- 80% thiết bị trong điều tra, khảo sát, quan trắc, đo đạc thu nhận dữ liệu sử dụng công nghệ số, hình thành nền tảng sử dụng công nghệ IoT.

- Từ 60% hoạt động thanh tra, kiểm tra của ngành được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% các phòng, đơn vị đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý tài nguyên và môi trường bằng công nghệ phần mềm hiện đại, tạo sự thay đổi căn bản toàn diện về quản lý của ngành theo hướng hiện đại; tạo đột phá về chất lượng quản lý hành chính, góp phần tăng năng lực cạnh tranh tỉnh Đắk Nông và hội nhập với khu vực, quốc tế.

- 100% người làm việc trong ngành được đào tạo về kỹ năng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

- Tiếp tục nâng cao Chỉ số về Chính phủ điện tử của ngành tài nguyên và môi trường, góp phần nâng cao Chỉ số về Chính phủ của tỉnh.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Nghiên cứu, áp dụng cơ chế tài chính xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu, thông tin về tài nguyên và môi trường.

- Thúc đẩy chuyên đổi số của ngành, áp dụng công nghệ mới, nâng cao năng suất lao động.

### c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

Nâng cao năng lực quản lý, phục vụ, minh bạch hóa, làm hài lòng người dân, doanh nghiệp trên nền tảng số góp phần phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.

## **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

### **1. Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số**

#### 1.1. Chuyển đổi nhận thức

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số của tỉnh nói chung và chuyển đổi số ngành TNMT nói riêng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; đồng thời tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp về chuyển đổi số ngành TNMT.

- Cho phép thử nghiệm cái mới, ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực quản lý của ngành.

- Tổ chức tham gia tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng số cho các cấp lãnh đạo, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, Tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

- Xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của ngành trên Trang thông tin điện tử của Sở.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành TNMT bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho thực hiện dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp, làm nền tảng phát triển Chính phủ số, phát triển kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh.

- Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp cùng tham gia góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại.

#### 1.2. Kiến tạo thể chế

Tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các văn bản quy định đảm bảo điều kiện cho công cuộc chuyển đổi số, các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức chi trả trong lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT) ngành TNMT, trong đó cần chú trọng các nội dung sau:

- Hướng dẫn thử nghiệm các sản phẩm ngành TNMT số mới; phát triển các nền tảng số, dịch vụ nội dung số về ngành TNMT.

- Các quy định về quản lý, thu thập dữ liệu ngành TNMT; Cơ chế khai thác, chia sẻ dữ liệu ngành TNMT thông qua mô hình số.

- Các quy chuẩn, quy định về kết nối, liên thông dữ liệu giữa các phần mềm trong ngành TNMT.

- Các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh; bảo đảm tính riêng tư của thông tin ngành TNMT trên môi trường mạng.

### 1.3. Phát triển hạ tầng số

- Bảo đảm kết nối, tự động hóa thu nhận dữ liệu quan trắc ngành TNMT trên nền tảng IoT; cung cấp khả năng quản lý, lưu trữ trên nền tảng dữ liệu lớn; cung cấp năng lực phân tích, xử lý, tính toán bằng công nghệ; bảo đảm cung cấp và chia sẻ dữ liệu, thông tin về ngành TNMT theo thời gian thực.

- Tái cấu trúc, tập trung hóa hạ tầng số, kết nối, cung cấp cơ sở hạ tầng, nền tảng, dịch vụ dùng chung, ứng dụng dưới dạng dịch vụ của hệ thống, hạn chế tối đa hạ tầng số dùng riêng tại các đơn vị.

### 1.4. Phát triển dữ liệu

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành về ngành TNMT trên cơ sở kiến trúc, tiêu chuẩn, quy chuẩn, dịch vụ chia sẻ dữ liệu thống nhất, bảo đảm Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông, nền tảng về dữ liệu là hạ tầng quan trọng, cốt yếu cho chuyển đổi số ngành TNMT.

- Tập hợp, xây dựng, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu văn bản hành chính, cơ sở dữ liệu nội bộ, ứng dụng triển khai công nghệ khai phá, xử lý văn bản đáp ứng nhu cầu chỉ đạo, điều hành, thực hiện công tác hành chính.

- Xây dựng hệ thống lưu trữ điện tử dùng chung chuyên ngành TNMT.

### 1.5. Xây dựng nền tảng số

- Phát triển nền tảng tích hợp, kết nối dữ liệu ngành TNMT với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các Bộ, Ngành, địa phương nhằm chia sẻ dữ liệu, thông tin cho khai thác, sử dụng.

- Xây dựng, phát triển nền tảng dữ liệu mở ngành TNMT, đáp ứng thu nhận dữ liệu từ các hệ thống dữ liệu liên quan đến ngành TNMT trong tỉnh và quốc gia, dữ liệu chia sẻ từ người dân, doanh nghiệp, cộng đồng, mạng xã hội hướng tới hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở về ngành TNMT.

- Phát triển các nền tảng ứng dụng, di động cung cấp các dịch vụ, xử lý, tư vấn, khai thác dữ liệu thông tin về ngành TNMT.

### 1.6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Xây dựng, triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin phục vụ phát triển Chính phủ điện tử.

- Các đơn vị ngành TNMT triển khai bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin của đơn vị theo đúng cấp độ an toàn thông tin của hệ thống thông tin.

- Ưu tiên nguồn lực bảo đảm an toàn thông tin mạng cho các hệ thống thông tin quan trọng, bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho nhiệm vụ bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng đạt tối thiểu 10% trong tổng kinh phí ứng dụng CNTT.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho các hệ thống thông tin, CSDL. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, diễn tập bảo đảm an toàn thông tin mạng.

### 1.7. Hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số

- Đẩy mạnh hợp tác, giao lưu học hỏi kinh nghiệm, công nghệ, mô hình triển khai chuyển đổi số ngành TNMT tại các tỉnh, thành phố có phát triển chuyển đổi số thông minh. Tổ chức các hội thảo, các diễn đàn trực tuyến để trao đổi, chia sẻ về chuyển đổi số ngành TNMT.

- Triển khai hợp tác, đào tạo cán bộ chuyển đổi số về các công nghệ số áp dụng trong ngành TNMT gồm các tiêu chuẩn CNTT, TNMT, các công nghệ số về dữ liệu lớn, di động, trí tuệ nhân tạo,... trong lĩnh vực ngành TNMT làm nòng cốt trong chuyển đổi số ngành TNMT.

- Triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại về việc chỉ đạo triển khai chuyển đổi số trong ngành TNMT cho các đồng chí lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố Gia Nghĩa.

## 2. Phát triển Chính quyền số trong ngành tài nguyên và môi trường

- Tiếp nhận, phát triển, vận hành các hệ thống thông tin nội bộ, chuyên ngành sử dụng công nghệ thông minh phân tích, xử lý thông tin, dữ liệu trên các nền tảng số phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ của các đơn vị trong ngành và cung cấp dịch vụ thuận tiện, an toàn, nhanh chóng cho người dân và doanh nghiệp.

- Ứng dụng các phần mềm quản lý, phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý ngành TNMT, Cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Triển khai, hoàn thiện các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành điện tử, hạn chế việc sử dụng giấy tờ, ứng dụng giao dịch điện tử, xác thực điện tử trong toàn ngành.

- Tiếp tục hoàn thiện, phát triển cơ sở dữ liệu ngành TNMT.

- Tiếp tục hoàn thành triển khai các dịch vụ công mức độ 4.

## 3. Phát triển kinh tế số trong ngành tài nguyên và môi trường

- Cung cấp dữ liệu, thông tin chia sẻ, dữ liệu số, nội dung số về ngành TNMT cho xã hội.

- Tạo điều kiện, thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, tài trợ, tăng cường nghiên cứu các công nghệ số, phát triển các nền tảng số, hoạt

động dữ liệu số, tạo ra các dịch vụ nội dung số về ngành TNMT phục vụ xã hội, phát triển nền kinh tế số.

- Các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường tăng cường ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, quản trị, kinh doanh, cung cấp dịch vụ.

#### **4. Phát triển xã hội số trong ngành tài nguyên và môi trường**

- Tuyên truyền, phổ biến sử dụng các kênh truyền thông số, giúp cộng đồng dễ tiếp cận, sử dụng, nâng cao nhận thức tầm quan trọng về tài nguyên và môi trường. Bảo đảm tương tác giữa các cơ quan trong ngành với tổ chức, cá nhân thông qua các phương tiện số, tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin phản ánh, kiến nghị.

- Sử dụng các thiết bị cầm tay, thiết bị di động để người dân có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ ngành TNMT ở mọi lúc, mọi nơi.

#### **5. Chuyển đổi số lĩnh vực chuyên ngành**

##### **5.1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực đất đai**

- Xây dựng mô hình quản lý CSDL đất đai tập trung, có thể triển khai phù hợp với tổ chức CSDL đất đai tập trung cấp tỉnh, phù hợp với tổ chức Văn phòng đăng ký đất đai 1 cấp, tăng cường hiệu quả của công chức địa chính cấp xã, tạo mối liên kết giữa cấp xã, huyện, tỉnh, Trung ương.

- Hệ thống hỗ trợ người dùng xây dựng CSDL đất đai hiệu quả, đáp ứng các tiêu chuẩn mới nhất về quản lý đất đai; các cán bộ nghiệp vụ có thể xử lý các vấn đề nghiệp vụ khó trên phần mềm như các biến động tách, hợp thửa, cập nhật thông tin chỉnh lý biến động của thửa đất; các cá nhân, tổ chức có thể khai thác, chia sẻ nguồn thông tin tư liệu đất đai thông qua ứng dụng Web.

- Hỗ trợ người dùng tra cứu thông tin thửa đất dễ dàng hơn, hỗ trợ cán bộ địa chính cấp xã điều tra bổ sung thông tin của thửa đất để hỗ trợ các cán bộ thuộc văn phòng đăng ký đất đai.

- Hệ thống có khả năng kết nối với nhiều hệ thống khác như: các HTTT thuộc Chính quyền điện tử, hệ thống CSDL Quốc gia về dân cư, Cổng DVCQG, dịch vụ xác thực chữ ký điện tử, cổng thanh toán trực tuyến.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu hiện trạng đất đai: Thực hiện số hoá, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính đối với các xã, phường, thị trấn chưa được xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính.

- Xây dựng bộ công cụ phục vụ biên tập, tích hợp dữ liệu hiện trạng đất đai; Phân hệ phần mềm quản lý CSDL và hỗ trợ xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Phân hệ quản lý, luân chuyển hồ sơ đất đai của văn phòng đăng ký đất đai một cấp; Xây dựng, hoàn thiện CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, CSDL giá đất, dữ liệu đo đạc bản đồ.

- Phát triển ứng dụng giám sát công tác cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thông qua việc thu thập các dữ liệu thu thập





từ tất cả các nguồn bao gồm người dân, doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu thanh tra, kiểm tra, mạng xã hội, các chương trình điều tra và dự báo sự phát triển của lĩnh vực thông qua các công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo.

- Sử dụng công nghệ Viễn thám kết hợp với GIS xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát việc thực hiện quy hoạch – kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

### 5.2. Lĩnh vực khoáng sản

- Xây dựng Cơ sở dữ liệu (CSDL) về thông tin quản lý khoáng sản: Diện tích thăm dò, cấp phép, khu vực khai thác trái phép đã được phát hiện xử lý, khu vực bảo vệ di sản địa chất, bản đồ cấp phép khai thác tài nguyên nước mặt, nước dưới đất, khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất... được xây dựng, kết nối, chia sẻ, tích hợp trên dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường.

- Xây dựng CSDL quản lý cấp phép hoạt động khoáng sản: Cấp phép, gia hạn, thu hồi các hoạt động điều tra, khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến, tận thu khoáng sản.

- Xây dựng CSDL quản lý hồ sơ khoáng sản: Hồ sơ doanh nghiệp, các quy hoạch khoáng sản, báo cáo, sơ đồ, bản đồ, điểm cấm khoáng sản ... Tương tác trực quan trên nền tảng WebGIS. Tích hợp CSDL khoáng sản lên cổng thông tin ngành TNMT và chia sẻ dữ liệu lên trực LGSP, NGSP.

### 5.3. Lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Xây dựng thông tin về dự án; Thông tin khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; Làng nghề; Thông tin cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Thông tin về đơn vị dịch vụ quan trắc môi trường; Thông tin về Chủ dự án, cơ sở.

- Xây dựng thông tin về đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường, phương án bảo vệ môi trường; Thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; Thông tin về cấp phép môi trường; Thông tin về Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; Thông tin về bảo vệ môi trường đối với nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; Thông tin về bảo vệ môi trường trong quản lý chất ô nhiễm khó phân hủy; Thông tin về phương án cải tạo, phục hồi môi trường và bồi hoàn đa dạng sinh học; Thông tin về chất thải; Thông tin về thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường; Thông tin về kết quả quan trắc môi trường.

- Xây dựng nhóm dữ liệu về chất lượng môi trường: Môi trường nước (chất lượng nước mặt, trầm tích, nước dưới đất,...); Môi trường không khí, tiếng ồn; Môi trường đất; Chương trình xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường; Sự cố môi trường; Quan trắc môi trường (chương trình quan trắc, điểm quan trắc, trạm quan trắc).

- Xây dựng nhóm thông tin về đa dạng sinh học: Áp lực lên đa dạng sinh học; Khu bảo tồn thiên nhiên; Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; Hành lang đa dạng sinh học; Khu vực đa dạng sinh học cao; Vùng đất ngập nước quan trọng;



Khu cảnh quan sinh thái quan trọng; Vùng chim quan trọng; Khu dự trữ sinh quyển; dữ liệu gen; dữ liệu loài; dự liệu hệ sinh thái.

#### 5.4. Lĩnh vực thanh tra

Xây dựng phần mềm hỗ trợ cập nhật dữ liệu và quản lý hoạt động thanh tra Tài nguyên Môi trường. Xây dựng CSDL thanh tra, kiểm tra lĩnh vực tài nguyên môi trường.

#### 5.5. Lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu

- Quan trắc, điều tra, khảo sát khí tượng thủy văn, hải văn, môi trường không khí và nước; Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; Hồ sơ kỹ thuật trạm và giấy phép dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; Biến đổi khí hậu; Nghiên cứu khoa học, chương trình, dự án về khí tượng thủy văn.

- Triển khai hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng và dựa vào hệ sinh thái. Tổ chức đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu. Giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.

### IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên, chi sự nghiệp và chi đầu tư phát triển cho lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Kinh phí từ các dự án, thực hiện theo hình thức hợp tác công tư (PPP), tài trợ, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

- Nguồn xã hội hóa.

- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

### V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thành lập Ban chỉ đạo: Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm triển khai chương trình chuyển đổi số bao gồm 01 lãnh đạo Sở làm Trưởng ban, lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc làm ủy viên Ban chỉ đạo.

- Chủ trì tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường.

- Chủ trì xây dựng dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các phòng, đơn vị có trách nhiệm phối hợp thực hiện các dự án tại phụ lục kèm theo kế hoạch thuộc lĩnh vực quản lý.

#### 2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp, hỗ trợ việc triển khai các nội dung trong Kế hoạch.

- Đưa nội dung của ngành TNMT vào trong Đề án tổng thể công nghệ thông tin và chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tăng cường tuyên truyền các nội dung và kết quả triển khai Chương trình chuyển đổi số của tỉnh, của các ngành.

### **3. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Trên cơ sở đề xuất dự toán kinh phí thực hiện các nội dung thuộc Kế hoạch này, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh xem xét, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện theo quy định.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đẩy mạnh các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

### **4. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các phòng, đơn vị có trách nhiệm phối hợp thực hiện, triển khai Kế hoạch trong phạm vi, lĩnh vực phụ trách của đơn vị.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, Ngành, địa phương gửi phản ánh về UBND tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

---



**DANH MỤC**  
**NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ**  
**NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐẮK NÔNG (GIAI ĐOẠN 2025-2030)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Sản phẩm	Thời gian triển khai
<b>I</b>	<b>Chuyển đổi số lĩnh vực chuyên ngành</b>				
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực đất đai</b>				
1.1	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	- Phần mềm được xây dựng và hoạt động hiệu quả; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2030
1.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bảng giá đất, công nghệ viễn thám	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	- Phần mềm được xây dựng và hoạt động hiệu quả; - Báo cáo kết quả thực hiện	2025-2030
1.3	Xây dựng hệ thống thông tin đất đai trên nền GIS tích hợp dữ liệu đất đai từ hệ thống LIS	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	- Phần mềm được xây dựng và hoạt động hiệu quả; - Báo cáo kết quả thực hiện	2023-2030
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực khoáng sản</b>				
2.1	Xây dựng CSDL quản lý cấp phép hoạt động khoáng sản: Cấp phép, gia hạn, thu hồi các hoạt động điều tra, khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến..	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	- Phần mềm được xây dựng và hoạt động hiệu quả; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2030



2.2	Xây dựng CSDL quản lý hồ sơ khoáng sản: Hồ sơ doanh nghiệp, các quy hoạch khoáng sản, báo cáo, sơ đồ, bản đồ, điểm cấm khoáng sản ...Tương tác trực quan trên nền tảng WebGIS. Tích hợp CSDL khoáng sản lên cổng thông tin TNMT và chia sẻ dữ liệu lên trục LGSP, NGSP.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	- Phần mềm được xây dựng và hoạt động hiệu quả; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2030
2.3	Trang bị các thiết bị bay chụp để kiểm tra, xử lý khai thác trái phép, khai thác vượt ranh giới thông qua hệ thống thông tin quản lý của đơn vị	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Trang thiết bị bay chụp đo đạc diện tích, độ sâu các mỏ lộ thiên	2025-2030
<b>3 Lĩnh vực bảo vệ môi trường</b>					
3.1	<p>- Xây dựng nhóm thông tin về nguồn thải:</p> <p>+ Thông tin về dự án; Thông tin khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; Làng nghề; Thông tin cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Thông tin về đơn vị dịch vụ quan trắc môi trường; Thông tin về Chủ dự án/cơ sở;</p> <p>+ Thông tin về đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường, phương án bảo vệ môi trường; Thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; Thông tin về cấp phép môi trường; Thông tin về</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	- Phần mềm được xây dựng và hoạt động hiệu quả; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2030

	Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; Thông tin về bảo vệ môi trường đối với nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; Thông tin về bảo vệ môi trường trong quản lý chất ô nhiễm khó phân hủy; Thông tin về phương án cải tạo, phục hồi môi trường và bồi hoàn đa dạng sinh học; Thông tin về chất thải; Thông tin về thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường; Thông tin về kết quả quan trắc môi trường.				
3.2	Xây dựng nhóm dữ liệu về chất lượng môi trường: Môi trường nước (chất lượng nước mặt, trầm tích, nước dưới đất,...); Môi trường không khí, tiếng ồn; Môi trường đất; Chương trình xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường; Sự cố môi trường; Quan trắc môi	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	- Phần mềm được xây dựng và hoạt động hiệu quả; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2030
<b>4</b>	<b>Lĩnh vực thanh tra</b>				
4.1	Xây dựng phần mềm hỗ trợ cập nhật dữ liệu và quản lý hoạt động thanh tra Tài nguyên Môi trường. Xây dựng CSDL thanh tra, kiểm tra lĩnh vực tài nguyên môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	- Phần mềm được xây dựng và hoạt động hiệu quả; - Báo cáo kết quả thực hiện	2023-2030
<b>5</b>	<b>Lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu</b>				
5.1	Xây dựng nhóm dữ liệu về quan trắc, điều tra, khảo sát khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước; Dự	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	- Phần mềm được xây dựng và hoạt động hiệu quả;	2022-2030

	báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; Hồ sơ kỹ thuật trạm và giấy phép dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; Biến đổi khí hậu; Nghiên cứu khoa học, chương trình, dự án về khí tượng thủy văn.			- Báo cáo kết quả thực hiện	
5.2	Xây dựng nhóm dữ liệu về hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng và dựa vào hệ sinh thái. Tổ chức đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu. Giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Phần mềm được xây dựng và hoạt động hiệu quả; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2030
<b>6.</b>	<b>Lĩnh vực tài nguyên nước</b>				
6.1	Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh: Khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất, diện tích cấp phép, thăm dò, chức năng nguồn nước, hàng lang bảo vệ nguồn nước, danh mục ao hồ không được san lấp; danh mục nguồn nước nội tỉnh...	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	- Phần mềm được xây dựng và hoạt động hiệu quả; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2030